



Luật Công đoàn (số 12/2012) được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 3, ngày 20 tháng 6 năm 2012 với 90,18% đồng ý tán thành. Ngày 02/7/2012, Chủ tịch nước đã ban hành Lệnh số 10/2012/L-CTN công bố Luật Công đoàn. Luật Công đoàn (số 12/2012) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Luật Công đoàn (số 12/2012) nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Công đoàn 1990, đáp ứng hoạt động của tổ chức Công đoàn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời Luật Công đoàn (số 12/2012) nhằm kịp thời thực hiện các quan điểm, đường lối của Đảng và hoàn thiện, phát triển nền kinh tế thị trường để hình thành xã hội chủ nghĩa và thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/1/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa X về: "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Trên cơ sở đó, bổ sung và phát huy vai trò của biểu tượng quan trọng của Công đoàn trong thời kỳ mới, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội của đất nước.

Luật Công đoàn số 12/2012 được kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII, 33 điều Luật.

Trong đó, giới thiệu những nội dung của Luật Công đoàn hiện hành, bổ sung thêm 2 chương mới: chương III "Trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với Công đoàn" và chương V "Giới quy tắc tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật và công đoàn"; tăng 14 điều Luật.

Chương I. Những quy định chung

Xuất phát và kế thừa của pháp luật của Công đoàn theo thực tiễn chính trị của xã hội Việt Nam đã được xác định, quy định tại điều 10 của Hiến pháp và tại điều 1, điều 2 của Luật công đoàn 1990, Luật Công đoàn lần này tiếp tục khẳng định Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi của giai cấp công nhân và người lao động, là thành viên trong hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng; có chức năng đại diện cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động, cùng với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đây là quy định biểu tượng quan trọng trong Luật Công đoàn để tạo cơ sở thống nhất, nền tảng quy định các quy định và trách nhiệm theo lĩnh vực hoạt động của Công đoàn tại chỗ theo tiếp theo, theo hành lang pháp lý cho Công đoàn thực hiện tốt các chức năng Luật định.

Chương I còn bổ sung điều mới về: "Giới thích hợp" và "Hệ thống tổ chức Công đoàn". Điều biểu tượng đã luật hóa chức danh Cán bộ công đoàn không chuyên trách tại Tổ phó tổ công đoàn tại

lên, tạo nên tình đoàn kết, quy định các biện pháp để bảo vệ quyền lợi của công nhân viên công đoàn quy định tại chương IV.

Mục đích của pháp luật này là để xác định những hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến việc thành lập và hoạt động của công đoàn; phân biệt đối xử với người lao động, cán bộ công đoàn, can thiệp vào tổ chức và hoạt động của công đoàn; định thẩm quyền quy định bổ sung thêm hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến việc định quy định công đoàn để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân nhằm bảo vệ thêm sự bình đẳng trong chấp hành pháp luật của công đoàn của các đối tượng áp dụng Luật.

Chương II. Quy định, trách nhiệm của Công đoàn và đoàn viên công đoàn

Chương này là một trong những chương quan trọng nhất của Luật, quy định các thẩm quyền và trách nhiệm theo thẩm quyền của công nhân viên của Công đoàn trên cơ sở chức năng của Công đoàn đã được Hiến định và xác định, quy định tại Điều 1 của Luật; định thẩm quyền luật hóa Điều lệ công đoàn các quy định và trách nhiệm của đoàn viên công đoàn theo yêu cầu của Quốc hội.

Chương II. Quy định, trách nhiệm của Công đoàn và đoàn viên công đoàn cũng đã quy định các thẩm quyền, trách nhiệm phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; quy định tăng thêm trách nhiệm của Công đoàn cấp trên cơ sở trong việc tiếp cận doanh nghiệp để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thành lập công đoàn cơ sở, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, hỗ trợ chi viện của Công đoàn cơ sở. Đặc biệt quan trọng là quy định trách nhiệm của Công đoàn cấp trên cơ sở trong việc đổi mới, bảo vệ quyền lợi cho người lao động và các đối tượng, doanh nghiệp của thành lập công đoàn. Thông qua đó tạo hành lang pháp lý vững chắc cho Công đoàn cấp trên cơ sở chủ động chủ trì các đối tượng kiến nghị của nhân dân và thực hiện trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương III. Trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với Công đoàn

Luật Công đoàn 1990 đã có một số quy định trách nhiệm của Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị đối với Công đoàn liên quan đến việc tôn trọng quyền được lập và tổ chức và các quy định khác của Công đoàn, tạo điều kiện kiến nghị cho Công đoàn thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, một số lĩnh vực thuộc trách nhiệm của cơ quan Nhà nước và một số lĩnh vực thuộc trách nhiệm của đơn vị, doanh nghiệp liên quan đến hợp tác, phối hợp với Công đoàn của được quy định rõ ràng làm nên những điểm thi hành của Luật và hiệu quả hoạt động của Công đoàn.

Đặc biệt quy định tại khoản 1, khoản 2, chương III quy định rõ thêm trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp đối với hoạt động Công đoàn. Trong đó, xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật công đoàn; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong hợp tác, tạo điều kiện, bảo vệ điều kiện kiến nghị của công nhân viên của công đoàn cơ sở, của cán bộ công đoàn và đặc biệt là phải có nghĩa vụ đóng kinh phí công đoàn theo quy định của Luật này.

Chương IV. Nhiệm vụ và quyền hạn của Công đoàn

Chương IV xác định các tính nguyên tắc và vị trí của công đoàn và sự liên quan của công đoàn đối với các chủ thể kinh tế, xã hội, quyền và trách nhiệm của Công đoàn.

Bổ sung và mở rộng quy định về thẩm quyền và thẩm quyền cho hoạt động công đoàn đối với các chủ thể Công đoàn không chuyên trách tại các xã. Ngoài các chủ thể Công đoàn có chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch công đoàn xã, Ủy viên BCH, các chủ thể công đoàn có chức danh Tổng trưởng, Tổng phó công đoàn được xác định thẩm quyền trong giới làm việc 12 giờ trong một tháng do doanh nghiệp trả lương, đối tượng hoạt động công đoàn. Tổng trưởng, Tổng phó công đoàn là những người liên quan chủ yếu và trực tiếp đến các chủ thể kinh tế xã hội các nhiệm vụ của Công đoàn tại các xã. Quy định mới này hỗ trợ các chủ thể kinh tế, hoạt động nâng cao thêm trách nhiệm của đơn vị, doanh nghiệp đối với các chủ thể Công đoàn.

Bổ sung quy định về quyền lợi của các chủ thể công đoàn không chuyên trách do các chủ thể, chủ thể, doanh nghiệp trả lương, được hưởng phụ cấp hoạt động công đoàn và khoản phụ cấp này được tính theo quy định của pháp luật về Tiền lương Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Bổ sung quy định về các chủ thể công đoàn và vị trí làm. Theo đó, các chủ thể công đoàn không chuyên trách được gia hạn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo nhiệm vụ không tham gia Ban chấp hành công đoàn xã; đơn vị sản xuất lao động không được tổ chức một hội đồng hoặc chuyển chuyển công tác các chủ thể công đoàn không chuyên trách nếu không có sự thỏa thuận của công đoàn.

Bổ sung về tài chính công đoàn là một nội dung quan trọng trong Chương IV. Về nội dung tài chính công đoàn được Luật Công đoàn 1990 quy định mang tính nguyên tắc, không quy định cụ thể mà giao cho Chính phủ, Bộ, ngành quy định dưới hình thức Nghị định và Thông tư nên giá trị pháp lý và hiệu lực không cao, làm cho những người lao động hiểu nhầm về hoạt động của công đoàn trong quá trình thực hiện các quy định, trách nhiệm theo Luật định; đặc biệt là những bất cập liên quan đến việc đóng kinh phí công đoàn thi đua bình đẳng, mức đóng, nên đóng chủ thể công đoàn. Những giới hạn quy định trên, Luật Công đoàn (số 12/2012/QH12) đã quy định cụ thể các chủ thể, chủ thể, doanh nghiệp thuộc mới thành phần kinh tế không phân biệt nội dung đã thành lập hay chủ thể công đoàn, đơn vị phải có nghĩa vụ đóng kinh phí công đoàn bằng 2% tính trên quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho người lao động.

Nhiệm vụ và quyền hạn nguyên tắc quản lý tài chính công đoàn, tính minh bạch và tăng cường công tác quản lý tài chính của Công đoàn và theo pháp luật, và bổ sung tính đặc thù của Công đoàn, Luật xác định rõ các nội dung chi và quy định Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng và kiểm tra tài chính công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn lao động VN; các quan nhà nước có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, kiểm toán về quản lý, sử dụng tài chính công đoàn.

Chương V. Giới thiệu quy định tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật công đoàn

Chương này quy định hai nội dung mới liên quan đến việc xác định nguyên tắc giới hạn quy định tranh chấp và quy định công đoàn, xử lý vi phạm pháp luật và công đoàn và trách nhiệm của Chính phủ thực hiện các năng quyền nhà nước thông qua việc ban hành văn bản pháp luật quy định chi tiết về xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật và công đoàn.

Chương VI. Điều khoản thi hành

Xác định hiệu lực thi hành của Luật từ ngày 01 tháng 01 năm 2013;

Giao Chính phủ có trách nhiệm thực hiện luật với Tổng Liên đoàn lao động VN quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều, khoản được giao trong Luật. Theo đó, Tổng Liên đoàn đề kiến nghị với Chính phủ thực hiện luật xây dựng và ban hành các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành:

- 1) Về quy định và trách nhiệm của công đoàn (Điều 10, Điều 11)
- 2) Về tài chính công đoàn (Điều 26)
- 3) Về xử phạt hành chính hành vi vi phạm pháp luật với công đoàn (Điều 31).